

Bản án số: 1514/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

2. Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1072/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 498/2022/QĐXXST-DS ngày 08/9/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 566/2022/QĐST-DS ngày 23/9/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm: 1978; Địa chỉ: 1628 Tỉnh lộ 7, ấp Mỹ Khánh B, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tô T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số 3, đường Trần Thị Ngàn, tổ 4, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 6 năm 2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày: Năm 2000 ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn Thị Tô T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 18 tháng 02 năm 2000.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, cách nuôi con, tính tình đôi bên ngày càng khác biệt, không hoà hợp được, bà T không còn quan tâm, tôn

trọng ông B, hai bên hoà giải mâu thuẫn nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay, ông B xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tố T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Quốc Thái N, sinh ngày: 18/7/2009 và Nguyễn Bạch Trúc A, sinh ngày: 20/7/1999 (đã trưởng thành). Ông B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Nguyễn Quốc Thái N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B quá trình giải quyết vụ án có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Tố T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án; không gửi ý kiến cũng như các chứng cứ, tài liệu kèm theo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Quốc B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tố T và yêu cầu được nuôi con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại số 3 đường Trần Thị Ngàn, tổ 4, khu phố 3, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B đã có bản khai, văn bản trình bày ý kiến của mình và nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tố T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; thông báo mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về sự tham gia của Viện kiểm sát: Tòa án không tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ nên vụ án này không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên

tòa để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tổ tụng dân sự theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu của các đương sự:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn Thị Tô T chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 18 tháng 02 năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Quốc B và bà Nguyễn Thị Tô T là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B: Hội đồng xét xử nhận thấy các bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa án ông B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, đôi bên không còn quan tâm yêu thương nhau, tính tình đôi bên không hòa hợp nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù đã nhiều lần hòa giải và nhờ gia đình đôi bên hòa giải nhưng không thành dẫn đến bà T đã ra ngoài ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, vì vậy ông B cương quyết ly hôn với bà T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tô T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã mở phiên hoà giải đoàn tụ để các bên hàn gắn tình cảm, cũng như thông báo, triệu tập tham gia phiên toà. Tuy nhiên, bà T trong suốt quá trình giải quyết vụ án vẫn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ bà T không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm, cũng như không tạo điều kiện để Tòa án hoà giải hàn gắn tình cảm hai bên theo luật định. Xét thấy, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, đôi bên đã sống ly thân nhiều năm và không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B yêu cầu được ly hôn với bà T là hoàn toàn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Bạch Trúc A, sinh ngày: 20/7/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Quốc Thái N, sinh ngày: 18/7/2009. Nhận thấy, nguyên đơn ông B yêu cầu được nuôi trẻ Thái N, bị đơn bà T không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề này. Ông B có thu nhập ổn định và hiện nay trẻ Thái Hòa đang sống ổn định với ông B nên để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt và học hành cũng như tâm sinh lý phát triển bình thường của trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao trẻ Thái Hòa cho ông B được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[5.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Quốc B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Tố T.

2/ *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Quốc Thái N, sinh ngày: 18/7/2009 cho ông Nguyễn Quốc B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thi hành việc giao con sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Quốc B không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tố T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Tố T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Quốc B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ *Về án phí*: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0045062 ngày 18/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Quốc B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. C;
- THADS H. C;
- UBND xã M, H. C;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hòa